Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7104.99.00

Mã HS	7104.99.00
Mô tả hàng hóa	Đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo, đã hoặc chưa gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo chưa phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 01:46:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/71049900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10679
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10679
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10679
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10679
Thuế XK ưu đãi CPTPP	5	5%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10679
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5	5%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10679
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5	5%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10679

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10129
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10080
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10080
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10080
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10080
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10080
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10080
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10132
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10132
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10132
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10132

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10132
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10132
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10133
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10133
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10133
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10133
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10133
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10133
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10134
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10086
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10092
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10092
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10092
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10092
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10092
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10092
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10117
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10117
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10117
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10117
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10117
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10117
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10170
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10170
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10170
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10170

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10170
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10170
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10155
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10155
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10155
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10155
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10155
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10155
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10155
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10155
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10155
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10155
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10155
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10155
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10172
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10172
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10172
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10172
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10172
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10172
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10171
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10171
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10171
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10171
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10171
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10171

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10112
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10112
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10112
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10112
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10112
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10112
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10112
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10149
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10149
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10149
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10149
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10149
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10149
RCEP B	2022	2022	0	B!D10149
RCEP B	2023	2023	0	B!E10149
RCEP B	2024	2024	0	B!F10149
RCEP B	2025	2025	0	B!G10149
RCEP B	2026	2026	0	B!H10149
RCEP B	2027	2027	0	B!I10149
RCEP C	2022	2022	0	C!D10149
RCEP C	2023	2023	0	C!E10149
RCEP C	2024	2024	0	C!F10149
RCEP C	2025	2025	0	C!G10149
RCEP C	2026	2026	0	C!H10149
RCEP C	2027	2027	0	C!I10149
RCEP D	2022	2022	0	D!D10148

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E10148
RCEP D	2024	2024	0	D!F10148
RCEP D	2025	2025	0	D!G10148
RCEP D	2026	2026	0	D!H10148
RCEP D	2027	2027	0	D!I10148
RCEP E	2022	2022	0	E!D10152
RCEP E	2023	2023	0	E!E10152
RCEP E	2024	2024	0	E!F10152
RCEP E	2025	2025	0	E!G10152
RCEP E	2026	2026	0	E!H10152
RCEP E	2027	2027	0	E!I10152
RCEP F	2022	2022	0	F!D10149
RCEP F	2023	2023	0	F!E10149
RCEP F	2024	2024	0	F!F10149
RCEP F	2025	2025	0	F!G10149
RCEP F	2026	2026	0	F!H10149
RCEP F	2027	2027	0	F!I10149
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9387
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9387
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9387
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9387

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 7104.99.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 7104.99.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7104.99.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7104.99.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10679), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.